TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2019/HNGĐ-ST
Ngày 02-7-2019
V/v thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Tuyến

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đăng Khoa

Ông Nguyễn Thành Biên.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Vũ Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 124/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2019 về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2641/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Xuân M; nơi ĐKHKTT: Tổ 3C, phường HT, quận DK, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: AS21, 37574 – E, Cộng hòa Liên bang Đức;

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị N; nơi cư trú: Tổ 12, phường HN, quận DK, thành phố Hải Phòng;

Các đương sự đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn là anh Trần Xuân M và chị Nguyễn Thị N đều thống nhất trình bày: Năm 2013, anh Trần Xuân M kết hôn với chị Nguyễn Thị N trên cơ sở tự nguyện của hai bên, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND phường HN, quận DK, thành phố Hải Phòng. Sau đó, anh chị xảy ra mâu thuẫn

và được Tòa án nhân dân quận DK giải quyết ly hôn vào năm 2014. Tại Quyết định ly hôn, anh chị thỏa thuận là anh M được quyền nuôi con chung Trần Bảo K, sinh ngày 10/10/2013. Tuy N, hiện nay do anh M đang lao động tại nước ngoài, cháu K ở với ông bà nội. Đến nay, cháu đã đến tuổi đi học lớp 1, anh M không có điều kiện để đảm bảo việc học hành của cháu nên anh chị đề nghị Tòa án giao con chung là Trần Bảo K cho chị N nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của gia đình anh Trần Xuân M: Đều thống nhất đồng ý để chị N trực tiếp nuôi cháu K vì hiện tại anh M đang ở nước ngoài không có điều kiện chăm sóc cháu bằng chị N.

Tại phiên tòa, anh Trần Xuân M và chị Nguyễn Thị N đều vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại đơn xin xét xử vắng mặt của chị N thể hiện: Giữ nguyên quan điểm đã trình bày như trong đơn khởi kiện và bản tự khai.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự ; các đương sự đã thự hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 328 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của nguyên đơn là anh Trần Xuân M bởi lẽ: Anh M đang ở nước ngoài, cháu K đang ở với ông bà nội, điều kiện chăm sóc con chung của chị N đảm bảo hơn anh M. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, anh M và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về quan hệ pháp luật và sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn:

[1] Anh Trần Xuân M hiện đang sinh sống tại nước ngoài và chị Nguyễn Thị N đang sinh sống tại thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 3 Điều 28; điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, anh M và chị N đều vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228;

Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Xét nội dung đơn khởi kiện về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn của nguyên đơn:

[3] Việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung là trách nhiệm nghĩa vụ của cả anh Trần Xuân M và chị Nguyễn Thị N. Sau khi ly hôn, anh M đi lao động ở nước ngoài, cháu Trần Báo K sinh sống cùng ông bà nội. Hiện nay, cháu K đã đến tuổi đi học cần sự quan chăm sóc trực tiếp của bố mẹ. Vì vậy, anh M và chị N đều thống nhất giao con chung chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Để đảm bảo sự phát triển ổn định cả về thể chất, tinh thần của cháu K, theo nguyện vọng của cả anh M và chị N giao cháu Trần Bảo K cho chị N nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, phù hợp với Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Trần Xuân M và chị Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Xuân M tự nguyện chịu toàn bộ án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Anh Trần Xuân M và chị Nguyễn Thị N được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 3 Điều 28; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 228; Điều 238; Điều 273; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử:

1. Giao con chung là cháu Trần Bảo K, sinh ngày 10/10/2013 cho chị Nguyễn Thị N nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Xuân M và chị Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Xuân M tự nguyện chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền anh M đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 0001862 ngày 10 tháng 6 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

4. Về quyền kháng cáo:

- Anh Trần Xuân M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

- Chị Nguyễn Thị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: TDS, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Tuyến